BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 tháng 05

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 10 – 11/05/2023 ***Ngày cung cấp TT:*** 12/05/2023

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống đóng.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: *QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:*

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh:.

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Sông Chanh, Cống Nhâm Tràng, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đam, Cống Vĩnh Trị, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh C9.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Tận dụng khi mực nước ngoài sông cao tăng cường đưa nước vào hệ thống để cải thiện chất lượng nước trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 63%, mật độ	6.85	31.8	5.42	0.2	0.404	1.170	307	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	mây 52%, gió Nam 19 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.								hạn B1 cho phép
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 45%, gió Nam 13 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở, đang tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	6.9	12.9	5.2	0.2	0.365	1.913	329	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 67%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy vừa.	6.55	37.2	5.4	0.2	0.723	0.720	310	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		Huyện Vụ Bản.	Cống mở tiêu nước ra sông. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.								hạn B1 cho phép
0.34	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 33%, gió Nam 9 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục. Trên mặt nước có bèo trôi.	6.58	25.4	4.25	0.5	0.474	2.858	624	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió TB 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.	6.18	38.6	4.84	0.3	0.295	0.205	481	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		thống cuối kênh Như Trác.	Nước màu vàng lục.								
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	6.95	31.1	4.99	0.4	0.443	0.248	534	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 95%, gió TB 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao	6.84	24	4.73	0.3	0.559	0.923	438	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
			hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Dòng chảy vừa. Cống mở tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống có bèo.	6.85	21.6	4.4	0.3	0.855	0.585	417	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành. Trên mặt nước có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	6.5	19	4.39	0.2	**1.018**	0.540	362	Giá trị chỉ tiêu amoni hiện trường cao hơn giới hạn B2 cho phép (không đạt B2)

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6.45	45.4	4.6	1.7	0.179	**11.925**	2080	Giá trị chỉ tiêu nitrat hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho phép (không đạt B1)
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%, gió Nam 9 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị. Trên mặt nước có bèo. Nước màu vàng lục.	6.94	21.7	4.26	0.3	**0.932**	0.608	437	Giá trị chỉ tiêu amoni hiện trường cao hơn giới hạn B2 cho phép (không đạt B2)
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao	6.64	23.4	4.56	0.2	0.552	1.328	339	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
			hơn. Nước màu vàng lục. Hạ lưu cống dày đặc bèo.								
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 46%, gió Nam 16 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước cạn. Nước màu vàng đục.	6.47	57.5	4.67	0.3	**1.088**	1.463	379	Giá trị chỉ tiêu amoni hiện trường cao hơn giới hạn B2 cho phép (không đạt B2)
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13 km/h. Dòng chảy chậm hướng vào nội đồng. Nước màu vàng đục.	6.71	62.6	4.83	0.2	0.474	0.563	333	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 26%,	6.59	16.5	4.21	0.4	**3.263**	0.608	492	Giá trị chỉ tiêu amoni hiện trường cao hơn giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	gió Nam 9 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt, mực nước thấp. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.								B2 cho phép (không đạt B2)
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 52%, gió Nam 19 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước sông Châu Giang thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	6.47	31.6	4.41	0.2	0.559	0.810	331	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió Nam 15 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Trên sông và 2 bên bờ sông	6.76	43.3	4.4	0.2	**1.142**	3.285	365	Giá trị chỉ tiêu amoni hiện trường cao hơn giới hạn B2 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
			có bèo. Nước màu vàng lục.								(không đạt B2)
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 89%, gió TB 17 km/h. Dòng chảy chậm về phía Cổ Đam. Trên kênh có bèo trôi. Nước màu vàng lục.	6.72	28.2	4.32	0.3	0.629	0.968	449	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 42%, gió TB 6 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng lục.	6.58	38.7	5.2	0.6	0.583	6.750	783	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 44%, gió Nam 13	6.91	88.7	4.73	0.2	0.350	0.833	259	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		vực huyện Vụ Bản.	km/h. Dòng chảy chậm về ngã ba sông Tiên Hương vào. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng đục.								

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI